

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 119/HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 1991

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1990 và được điều chỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng Nhà nước ngày 26 tháng 3 năm 1991;

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1.

Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (dưới đây gọi tắt là thuế thu nhập) được áp dụng đối với công dân Việt Nam và người nước ngoài có các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Điều 2.

Các khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế bao gồm :

1. Thu nhập thường xuyên bình quân tháng trên 500.000 đồng/người đối với người Việt Nam, trên 2.400.000 đồng/người đối với người nước ngoài gồm tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp và tiền thưởng mang tính chất tiền lương, tiền công của người lao động làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan đoàn thể trong nước, các cơ quan nước ngoài, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

2. Thu nhập không thường xuyên trên 1,5 triệu đồng về chuyên giao công nghệ, thiết kế kỹ thuật xây dựng, thiết kế công nghiệp,... Riêng trúng thưởng xổ số kiến thiết trên 10 triệu đồng/lần.

Tạm thời chưa thu thuế thu nhập đối với những khoản thu nhập không thường xuyên bằng tiền hoặc hiện vật của người định cư ở nước ngoài gửi về.

Điều 3.

Những khoản thu nhập sau đây không thuộc diện phải chịu thuế thu nhập :

1. Tiền công tác phí, bồi dưỡng làm ca kíp, nóng, độc hại, tiền phụ cấp khu vực ở vùng miền núi, hải đảo; giải thưởng quốc tế, quốc gia, tiền thưởng về các danh hiệu Nhà nước phong tặng, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến, phát minh.
2. Thu nhập mang tính chất trợ cấp xã hội : hưu trí, thôi việc, điều động công tác, bồi thường bảo hiểm.
3. Lợi tức của chủ hộ kinh doanh tư nhân, cá thể thuộc diện chịu thuế lợi tức.
4. Thu nhập của hộ sản xuất nông nghiệp thuộc diện chịu thuế nông nghiệp.
5. Các khoản lãi công trái, lãi cổ phần, lãi trái phiếu, lãi tiết kiệm.
6. Tiền thu về nhượng bán tài sản thuộc sở hữu cá nhân.
7. Thu nhập về thừa kế tài sản bằng tiền hoặc hiện vật.
8. Thu nhập của người nước ngoài trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam được miễn thuế thu nhập theo điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết.
9. Thu nhập của công dân Việt Nam được cử đi công tác, học tập, hợp tác lao động, chuyên gia ở nước ngoài sẽ có quy định riêng.

Điều 4.

Đối với cán bộ công nhân viên Việt Nam được cử vào làm việc tại các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt nam thì ngoài việc nộp thuế thu nhập theo Pháp lệnh thuế thu nhập còn phải thực hiện quy chế hợp đồng lao động do Hội đồng bộ trưởng quy định.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ

Điều 5.